Chi tiết mã HS 8536.50.96

Mã HS	8536.50.96
Mô tả hàng hóa	Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hoặc bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hoặc lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, rơ le, công tắc, chi tiết đóng ngắt mạch, cầu chì, bộ triệt xung điện, phích cắm, ổ cắm, đui đèn và các đầu nối khác, hộp đấu nối), dùng cho điện áp không quá 1.000V; đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi quang hoặc cáp quang / - Thiết bị đóng ngắt mạch khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác, dòng điện dưới 16 A
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 17:48:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85365096/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15819
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15819
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15819
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH, PH)	0% (trừ KH, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	5,5	5,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15155
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15087
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15087
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15087
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15087
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15087
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15087
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15141
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15141
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15141
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15141

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15141
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15141
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15142
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15142
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15142
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15142
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15142
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15142
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F15145
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15093
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F15101
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G15101
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H15101
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I15101
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J15101
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K15101
VKFTA	2022	2022	2	VK!E15141
VKFTA	2023	2023	1	VK!F15141
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15141
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15141
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15141
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15141
VCFTA	2022	2022	5	VC!D15196
VCFTA	2023	2023	5	VC!E15196
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15196
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15196

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15196
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15196
VN-EAEU	2022	2022	2,7	EAV!D15175
VN-EAEU	2023	2023	1,8	EAV!E15175
VN-EAEU	2024	2024	0,9	EAV!F15175
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15175
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15175
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15175
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D15173
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E15173
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F15173
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G15173
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H15173
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I15173
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D15179
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E15179
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F15179
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15179
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15179
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15179
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D15178
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E15178
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F15178
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15178
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15178
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15178

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15171
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15171
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15171
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15171
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15171
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15171
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15171
RCEP A	2022	2022	9	RCEPT-A!D15166
RCEP A	2023	2023	8	RCEPT-A!E15166
RCEP A	2024	2024	7	RCEPT-A!F15166
RCEP A	2025	2025	6	RCEPT-A!G15166
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H15166
RCEP A	2027	2027	4	RCEPT-A!I15166
RCEP B	2022	2022	9	B!D15166
RCEP B	2023	2023	8	B!E15166
RCEP B	2024	2024	7	B!F15166
RCEP B	2025	2025	6	B!G15166
RCEP B	2026	2026	5	B!H15166
RCEP B	2027	2027	4	B!I15166
RCEP C	2022	2022	9	C!D15166
RCEP C	2023	2023	8	C!E15166
RCEP C	2024	2024	7	C!F15166
RCEP C	2025	2025	6	C!G15166
RCEP C	2026	2026	5	C!H15166
RCEP C	2027	2027	4	C!I15166
RCEP D	2022	2022	9,1	D!D15165

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	8,2	D!E15165
RCEP D	2024	2024	7,3	D!F15165
RCEP D	2025	2025	6,4	D!G15165
RCEP D	2026	2026	5,5	D!H15165
RCEP D	2027	2027	4,5	D!I15165
RCEP E	2022	2022	9	E!D15169
RCEP E	2023	2023	8	E!E15169
RCEP E	2024	2024	7	E!F15169
RCEP E	2025	2025	6	E!G15169
RCEP E	2026	2026	5	E!H15169
RCEP E	2027	2027	4	E!I15169
RCEP F	2022	2022	9	F!D15166
RCEP F	2023	2023	8	F!E15166
RCEP F	2024	2024	7	F!F15166
RCEP F	2025	2025	6	F!G15166
RCEP F	2026	2026	5	F!H15166
RCEP F	2027	2027	4	F!I15166
VIFTA	2024	2024	6,7	VI!F14133
VIFTA	2025	2025	3.3	VI!G14133
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14133
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14133

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8536.50 có 12 dòng thuế; dòng 8536.50.96 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác, dòng điện dưới 16 A.	8536.50.20 Loại tự động ngắt mạch khi có hiện tượng rò điện và quá tải; 8536.50.32 Của loại thích hợp dùng cho quạt điện hoặc thiết bị sóng vô tuyến; 8536.50.33 Loại khác, dùng cho dòng điện danh định dưới 16 A; 8536.50.39 Loại khác; 8536.50.40 Công tắc mini thích hợp dùng cho nồi cơm điện hoặc lò nướng (toaster ovens); 8536.50.51 Dòng điện dưới 16 A	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8536.50.96 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8536.50.96	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8536.50.96. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8536.50.96 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15819), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.